CTCP Thương mại Hà Tây (UPCOM: HTT)

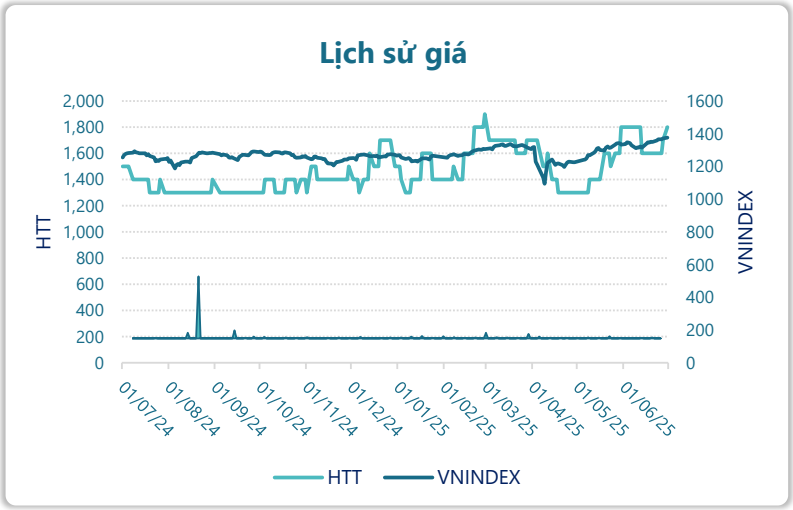

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	725
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	36
P/E	-5.1
EPS	-353

DT thuần

Q2/25

2.31

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.86| 59.1%

YoY: ▲ 1.35| 140%

LN sau thuế

Q2/25

-2.34

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.80| -51.7%

YoY: ▼0.13| -5.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-41.0%

+/- YoY: ▲ 83.1%

DT thuần

6T 2025

3.76

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.51| 67.2%

LN sau thuế

6T 2025

-3.88

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.41| 9.6%

ROE

Q2/25

-6.1%

+/- YoY: ▲ 0.1%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

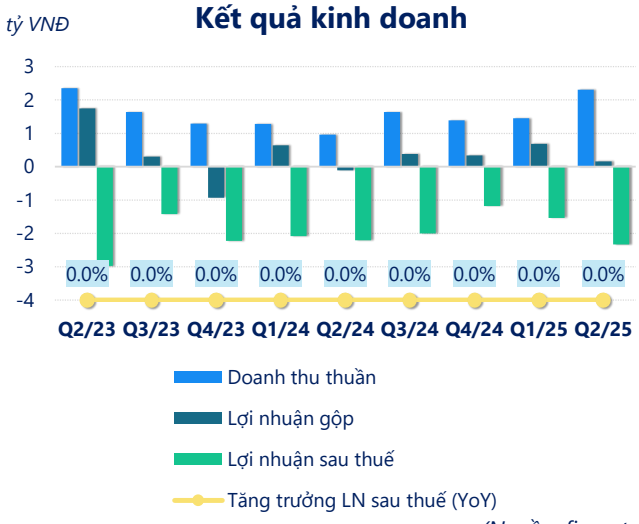

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

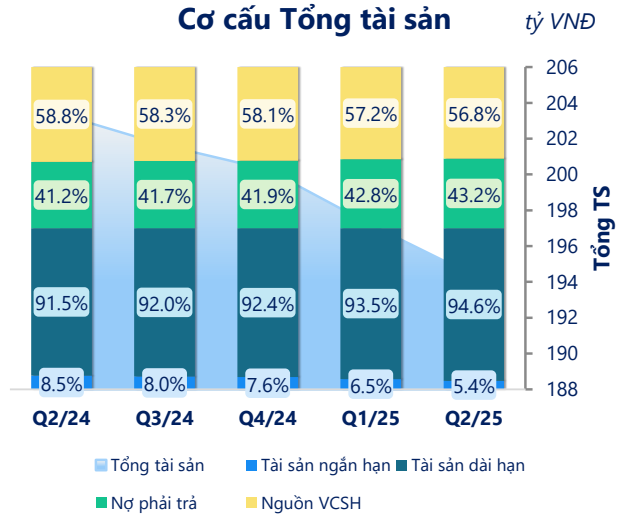

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

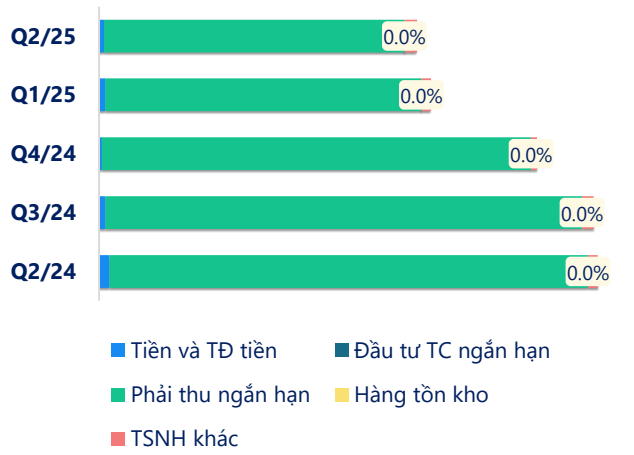

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

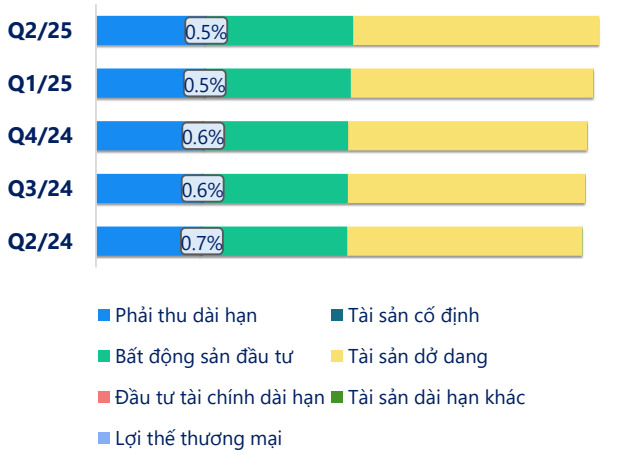

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

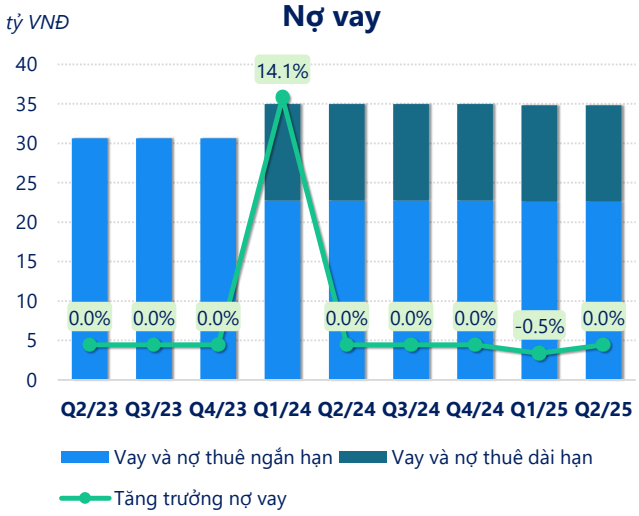

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

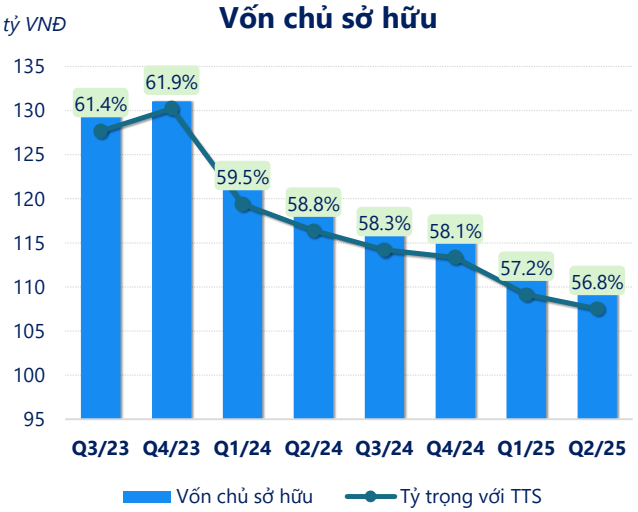

(Nguồn: fireant.vn)

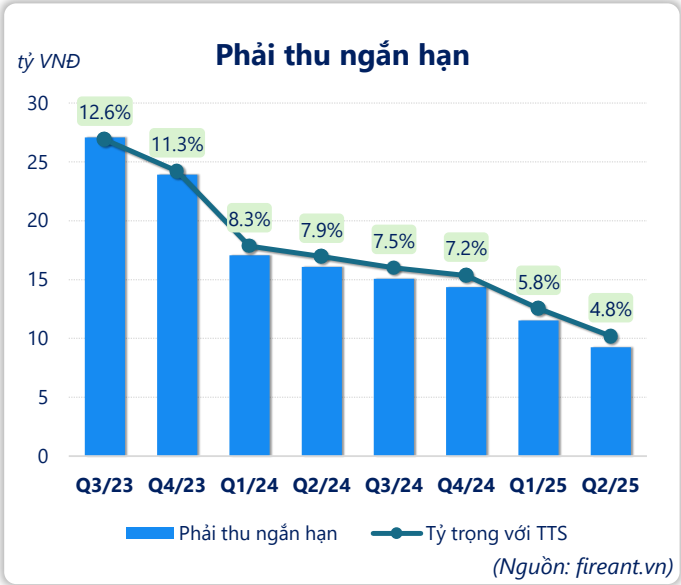
Phải thu ngắn hạn
tỷ VNĐ
30
25
20
15
10
5
0
12.6%
11.3%
8.3%
7.9%
7.5%
7.2%
5.8%
4.8%
Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25
Phải thu ngắn hạn
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

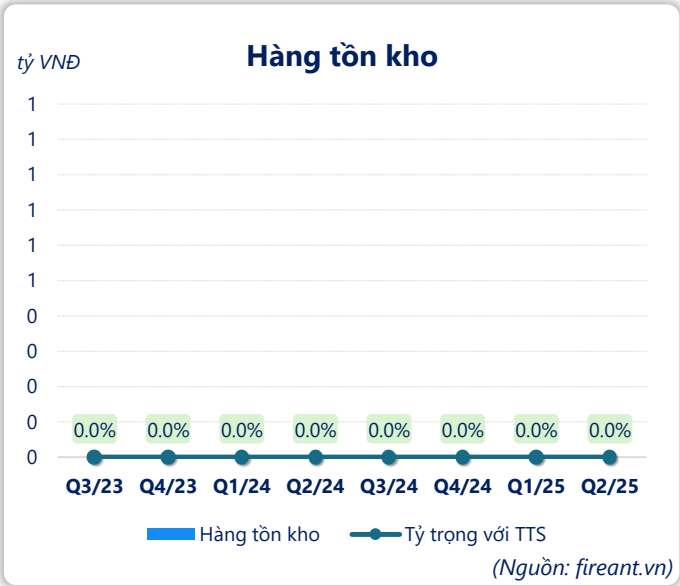
Hàng tồn kho
tỷ VNĐ
1
1
1
1
1
1
0
0
0
0
0
0.0% 0.0% 0.0% 0.0% 0.0% 0.0% 0.0% 0.0%
Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25
Hàng tồn kho
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

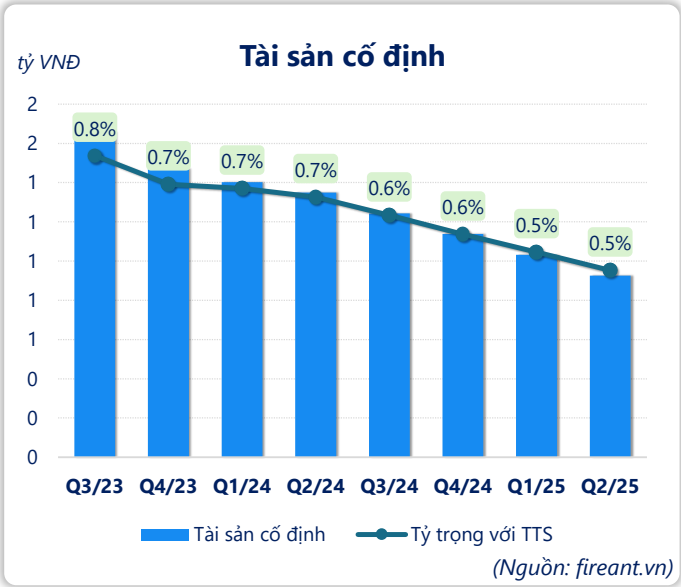
Tài sản cố định
tỷ VNĐ
2
2
1
1
1
1
1
0
0
0
0.8% 0.7% 0.7% 0.7% 0.6% 0.6% 0.5% 0.5%
Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25
Tài sản cố định
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

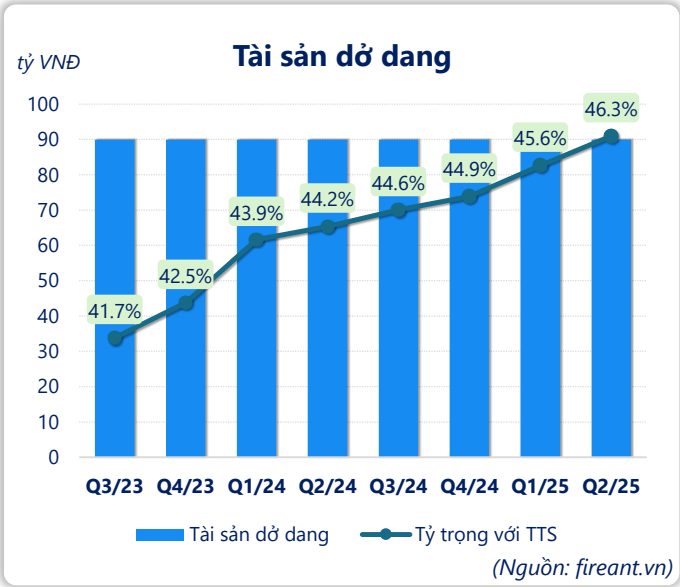
Tài sản dở dang
tỷ VNĐ
100
90
80
70
60
50
40
30
20
10
0
41.7% 42.5% 43.9% 44.2% 44.6% 44.9% 45.6% 46.3%
Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25
Tài sản dở dang
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

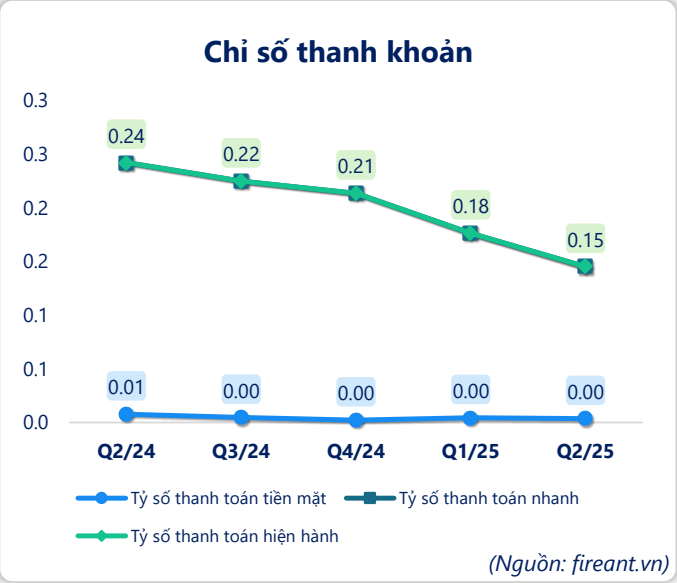
Chỉ số thanh khoản
0.3
0.3
0.2
0.2
0.1
0.1
0.0
0.24 0.22 0.21 0.18 0.15
0.01 0.00 0.00 0.00 0.00
Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25
Tỷ số thanh toán tiền mặt
Tỷ số thanh toán nhanh
Tỷ số thanh toán hiện hành
(Nguồn: fireant.vn)

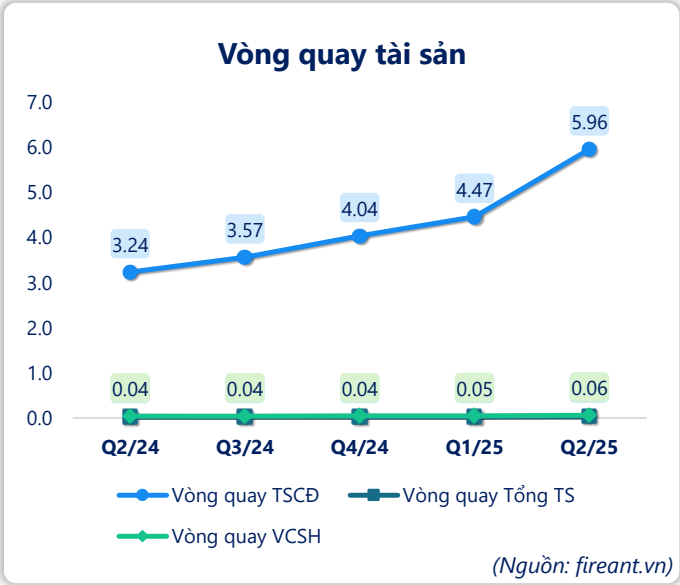
Vòng quay tài sản
7.0
6.0
5.0
4.0
3.0
2.0
1.0
0.0
3.24 3.57 4.04 4.47 5.96
0.04 0.04 0.04 0.05 0.06
Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25
Vòng quay TSCĐ
Vòng quay Tổng TS
Vòng quay VCSH
(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**203**	**202**	**200**	**197**	**194**
Tài sản ngắn hạn	**17.3**	**16.1**	**15.3**	**12.7**	**10.4**
Tiền và tương đương tiền	0.55	0.33	0.16	0.31	0.25
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	16.1	15.1	14.3	11.5	9.25
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.68	0.74	0.79	0.89	0.91
Tài sản dài hạn	**186**	**186**	**185**	**184**	**184**
Phải thu dài hạn	39.8	39.8	39.8	39.8	39.8
Tài sản cố định	1.35	1.24	1.14	1.03	0.93
Bất động sản đầu tư	54.9	54.5	54.1	53.6	53.2
Tài sản dở dang	89.9	89.9	89.9	89.9	89.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.01	0.01	0.00	0.00	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**83.8**	**84.0**	**83.9**	**84.4**	**83.9**
Nợ ngắn hạn	**71.5**	**71.8**	**71.6**	**72.2**	**71.7**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.8	22.8	22.8	22.6	22.6
Phải trả người bán ngắn hạn	1.47	1.52	1.40	1.33	1.63
Nợ dài hạn	12.2	12.3	12.3	12.2	12.2
Vay và nợ thuê dài hạn	12.2	12.2	12.2	12.2	12.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**120**	**118**	**116**	**113**	**110**
Vốn chủ sở hữu	**120**	**118**	**116**	**113**	**110**
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)